

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/10/2019

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Ly.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Ník Êban.
2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thành Thước - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ma Văn H – sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Bà Vi Thị T – sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ma Văn H trình bày:

*Về hôn nhân:* ông Ma Văn H và bà Vi Thị T sau một thời gian tìm hiểu, đã đi đến nguyện vọng kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 31/03/2010 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn của vợ chồng tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn ông bà đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 1, xã C, huyện E. Thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2012, thì ông Hiệu đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không tin tưởng, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được, bản thân ông H đi làm ăn xa nên không quan tâm chăm lo cho gia đình. Đến ngày 18/12/2014,

bà Thánh bỏ đi khỏi nhà không có lý do, mặc dù ông H đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không có tung tích gì. Tháng 01/2019, ông H đã làm đơn yêu cầu TAND huyện EaKar tuyên bố mất tích với bà Vi Thị T, TAND huyện EaKar đã đăng thông báo tìm kiếm trên báo và đài tiếng nói Việt Nam nhưng cũng không có tin tức gì của bà T. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-VDS ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tuyên bố mất tích đối với bà Vi Thị T. Nay ông Ma Văn H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng xin ly hôn với bà Vi Thị T.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có hai con chung là các cháu: cháu Ma Nhất T1, sinh ngày 01/5/2010 và cháu Ma Thị Ánh K, sinh ngày 19/01/2012.

Nguyện vọng của ông H là nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung cháu Ma Nhất T1 và cháu Ma Thị Ánh K Không yêu cầu bà Thánh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có nên không đề nghị TAND huyện EaKar giải quyết.

\* Bị đơn bà Vi Thị T: Ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tuyên bố bà Vi Thị T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-VDS ngày 24/6/2019. Qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết sau khi có quyết định tuyên bố mất tích, bà T vẫn vắng mặt tại địa phương, hiện nay bà T ở đâu, làm gì không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Ông Ma Văn H được ly hôn với bà Vi Thị T; Về con chung: Giao hai con chung cháu Ma Nhất T1, sinh ngày 01/5/2010 và cháu Ma Thị Ánh K, sinh ngày 19/01/2012 cho ông Ma Văn H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo đơn khởi kiện của Ông Ma Văn H là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Ông Ma Văn H và Bà Vi Thị T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 31/03/2010 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: Về quan hệ hôn nhân: Ông Ma Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Vi Thị T vì bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay không có tin tức của bà và Tòa án nhân dân huyện EaKar tuyên bố bà Vi Thị T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-VDS ngày 24/6/2019. Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo pháp luật về hôn nhân gia đình*”. Hội đồng xét xử xét thấy bà Vi Thị T mất tích không có tin tức hay liên lạc với gia đình từ năm 2014 đến nay, thể hiện mục đích hôn nhân giữa bà với ông Ma Văn H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của ông Ma Văn H xin ly hôn bà Vi Thị T.

[3] *Về con chung*: Sau khi xem xét nguyện vọng của ông H và 02 con chung, đồng thời xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con chung, hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Do đó, cần giao con chung cháu Ma Nhất T1, sinh ngày 01/5/2010 và cháu Ma Thị Ánh K, sinh ngày 19/01/2012 cho ông Ma Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Ông Ma Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Vi Thị T có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà Vi Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Ông Hiệu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn Ông Ma Văn H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0013235 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu

mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** **1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn H. Ông Ma Văn H được ly hôn với bà Vi Thị T.

**2. Về con chung:** Giao con chung cháu Ma Nhật T1, sinh ngày 01/5/2010 và cháu Ma Thị Ánh K, sinh ngày 19/01/2012 cho ông Ma Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Ông Ma Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Vi Thị T có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà Vi Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung và công nợ chung:** Ông Ma Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn Ông Ma Văn H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0013235 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện Ea Kar.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Trần Văn Ly**